

HIỆN TRẠNG KHAI THÁC THỦY SẢN Ở ĐÀM Ô LOAN, TỈNH PHÚ YÊN

Võ Văn Phú*
 Dương Thị Oanh**

Tóm tắt

Nguồn lợi thủy sản trên đầm Ô Loan, tỉnh Phú Yên tương đối đa dạng và phong phú. Nhưng hiện nay số hộ, ngư cụ, nghề hoạt động khai thác quá mức; nguồn lợi sinh vật và điều kiện sống của các loài thủy sản trong đầm đang bị suy giảm nghiêm trọng. Chính vì vậy, áp lực khai thác lên diện tích mặt nước đầm là rất lớn, cần phải có những giải pháp cấp bách quản lý chặt chẽ để duy trì nguồn lợi và bảo vệ môi trường đầm cho phát triển bền vững.

Từ khóa: khai thác thủy sản, đầm Ô Loan.

1. Đặt vấn đề

Tỉnh Phú Yên có đầm Ô Loan, tiêu biểu cho hệ thống nước lợ miền Trung Việt Nam. Hệ sinh thái này chứa trong mình nguồn gen đa dạng với tiềm năng kinh tế thủy sản khá lớn. Chúng đã và đang cung cấp nguồn thức ăn hàng ngày cho nhân dân trong khu vực. Việc nghiên cứu hiện trạng khai thác nguồn lợi thủy sản trong hệ đầm này có ý nghĩa to lớn về khoa học, thực tiễn cho tỉnh Phú Yên và khu vực.

Đầm Ô Loan là loại đầm gần kín, với vùng sinh thái nước lợ nằm ở tọa độ 13⁰13'50'' - 13⁰19'00'' vĩ độ Bắc, 109⁰14'30'' - 109⁰17'30'' kinh độ Đông. Hệ sinh thái này cách thị trấn Chí Thạnh huyện Tuy An 06 km về phía Đông Nam, nằm gần đường quốc lộ 1A và tuyến đường sắt Bắc - Nam có diện tích 1.570 ha, trong đó diện tích mặt nước 1.452 ha, diện tích bãi triều 104 ha và rừng ngập mặn 14 ha. Đầm tiếp giáp với năm xã của huyện Tuy An là An Ninh Đông, An Hải, An Hòa, An Hiệp và An Cư. Do nguồn lợi thủy sản trong đầm phong phú, nhiều loài thủy đặc sản, có giá trị xuất khẩu cao, nên đầm Ô Loan đã và đang tạo công việc làm cho đa số cư dân

trong vùng, các khu vực khác.

Tuy nhiên, ngày nay hoạt động khai thác thủy sản trên đầm thiếu quy hoạch, không còn kiểm soát được số hộ, nghề, mùa vụ và sản lượng khai thác đã dẫn đến nguồn lợi suy giảm, đời sống ngư dân khó khăn. Bài báo này là một trong những kết quả khảo sát đánh giá về tình hình khai thác, nhằm đề xuất một số giải pháp bảo tồn, phát triển nguồn lợi của đầm.

2. Phạm vi nghiên cứu



Hình 2.1. Đầm Ô Loan

Nguồn: Sở TN & MT tỉnh Phú Yên

Tiến hành điều tra khu vực đầm Ô Loan để biết được thông tin hiện trạng khai thác thủy sản thông qua bảng hỏi cho các hộ: thôn Tân Hòa - An Hòa; Gành Hàu (xóm Bên) - An Hiệp, Tân Long - An Cư, Phú Sơn - An Ninh Đông và Tân Quy - An

* PGS TS, Trường Đại học Khoa học Huế

** ThS, Trường Đại học Phú Yên

Hải chuyên sống bằng nghề khai thác hải sản trên đầm Ô Loan.

3. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp điều tra thực địa
- Phương pháp thu thập, phân tích, tổng hợp tài liệu
- Phương pháp phỏng vấn cấu trúc

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Hiện trạng khai thác

4.1.1. Các hộ khai thác thủy sản

Đầm Ô Loan có diện tích mặt nước 1.570 ha, với cư dân 05 xã sống quanh

đầm, có hơn 2.000 dân thuộc 877 hộ gia đình, sinh kế chủ yếu dựa vào khai thác thủy sản. Trong giai đoạn từ 2010 - 2015, số hộ gia đình tham gia khai thác thủy sản tại các xã trên đầm Ô Loan có xu hướng ổn định từ 854 - 896 hộ. Trong đó, xã An Hòa có 188 - 197 hộ và An Hiệp 190 - 196 hộ, chiếm số lượng lớn; tiếp đó là xã An Hải 175 - 189 hộ, An Cư 180 - 185 hộ, riêng xã An Ninh Đông số hộ làm nghề khai thác thủy sản trên đầm số lượng ít từ 110 - 125 hộ (bảng 4.1).

Bảng 4.1. Số hộ khai thác thủy sản ở các xã tại đầm Ô Loan qua các năm

Đơn vị: hộ

| Tên xã \ Năm | Năm | | | | | |
|--------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|
| | 2010 | 2011 | 2012 | 2013 | 2014 | 2015* |
| An Ninh Đông | 120 | 125 | 122 | 123 | 122 | 110 |
| An Hải | 175 | 179 | 193 | 185 | 187 | 189 |
| An Hòa | 189 | 188 | 197 | 195 | 195 | 197 |
| An Hiệp | 190 | 192 | 196 | 196 | 196 | 196 |
| An Cư | 180 | 185 | 188 | 184 | 185 | 185 |
| Tổng | 854 | 869 | 896 | 883 | 885 | 877 |

(Nguồn: 2015* số liệu điều tra và báo cáo KT-XH của các xã quanh đầm)

4.1.2. Ngư cụ, phương tiện khai thác

Có hơn 09 loại nghề khai thác thủy sản ở đầm Ô Loan, trong đó nghề trể, xiếc đã bị cấm khai thác từ năm 1980. Hiện nay, cơ cấu nghề khai thác tại đầm có 05 nghề chính chài 470 chiếc; lưới 1.550 tấm; đăng 1.032 vàng; đáy 80 vàng; chần 3.561 vàng (bảng 4.2). Ngoài ra, tồn tại một số nghề phụ như nghề mò sò, hàu, điệp, ốc; nghề cào ngao, vộp thủ công; nghề đeo hàu bằng tay.

Tuy nhiên vì lợi ích trước mắt số ít hộ vẫn lén lút sử dụng các ngư cụ cấm, về lâu dài nếu ngư dân không ý thức được hậu quả của việc cố tình sử dụng các loại ngư cụ này để khai thác thì nguồn lợi trong đầm sẽ suy giảm và biến mất. Vì đó là các ngư cụ có tính hủy diệt rất lớn đối với các loài thủy

sản.

Mật độ nghề trên 01 ha mặt nước tăng 8,2%, nghề tăng nhanh nhất là chần 23%, đăng 13,8%. Năm 2015, số lượng nghề khai thác tại đầm Ô Loan có sự chênh lệch rất lớn, chần 3.561 vàng, lưới 1.550 tấm, đăng 1.032 vàng, chài 470 chiếc, đáy 80 vàng. Tại các xã số lượng nghề khai thác cũng có sự biến đổi và ưu thế như xã An Hiệp có 956/3.561 vàng chần, 140/470 chiếc chài; xã An Ninh Đông chỉ có 212/3.561 vàng chần, 15/470 chiếc chài; xã An Hòa 790/1.032 vàng đăng; 730/1.550 tấm lưới. Riêng nghề đáy chỉ xuất hiện tại xã An Hải 80 vàng, nghề đăng không xuất hiện ở xã An Hải và An Cư (bảng 4.2).

Vùng đầm chủ yếu là ngư trường hoạt động của thuyền thủ công và thuyền

máy công suất nhỏ <20 CV hoạt động khai thác. Thuyền thủ công chiếm số lượng lớn 962 chiếc - chiếm 96,2%, trong khi đó thuyền máy có 38 chiếc (bảng 4.2).

Bảng 4.2. Số lượng thuyền, nghề khai thác tại đầm Ô Loan trong năm 2015

| Xã | Ngư cụ khai thác | | | | | Thuyền (chiếc) | |
|--------------|------------------|--------------|--------------|------------|--------------|----------------|-----------|
| | Chài (chiếc) | Lưới (tám) | Đăng (vàng) | Đáy (vàng) | Chấn (vàng) | Thủ công | Máy |
| An Ninh Đông | 15 | 125 | 175 | 0 | 212 | 362 | 7 |
| An Hải | 95 | 400 | 0 | 80 | 778 | 145 | 8 |
| An Hòa | 120 | 730 | 790 | 0 | 890 | 155 | 8 |
| An Hiệp | 140 | 180 | 67 | 0 | 956 | 145 | 9 |
| An Cư | 100 | 115 | 0 | 0 | 725 | 155 | 6 |
| Tổng | 470 | 1.550 | 1.032 | 80 | 3.561 | 962 | 38 |

(Nguồn: Số liệu điều tra, 2015)

Số lượng nghề, thuyền khai thác tại đầm qua các năm có xu hướng ổn định như chài 450 - 477 chiếc; lưới 1.545 - 1.620 tám; đăng 997 - 1.032 vàng; đáy 70 - 80 vàng; chấn 3.304 - 3.561 vàng; thuyền thủ

công 941 - 962 chiếc; thuyền máy 35 - 40 chiếc. Tuy nhiên, các loại nghề khai thác tại đầm có sự chênh lệch khá rõ rệt như chấn số lượng rất lớn 3.561 vàng, trong khi đó đáy 80 vàng (bảng 4.3).

Bảng 4.3. Số lượng thuyền, nghề khai thác tại đầm Ô Loan qua các năm

| Năm | Ngư cụ khai thác | | | | | Thuyền (chiếc) | | |
|-------|------------------|------------|-------------|------------|-------------|----------------|-----|------|
| | Chài (chiếc) | Lưới (tám) | Đăng (vàng) | Đáy (vàng) | Chấn (vàng) | Thủ công | Máy | Tổng |
| 2010 | 450 | 1609 | 997 | 70 | 3304 | 941 | 35 | 976 |
| 2011 | 450 | 1594 | 1002 | 70 | 3304 | 943 | 38 | 981 |
| 2012 | 472 | 1620 | 1010 | 78 | 3560 | 960 | 40 | 1000 |
| 2013 | 477 | 1564 | 1026 | 78 | 3537 | 962 | 39 | 1001 |
| 2014 | 471 | 1545 | 1027 | 80 | 3550 | 960 | 40 | 1000 |
| 2015* | 470 | 1550 | 1032 | 80 | 3561 | 962 | 38 | 1000 |

(Nguồn: 2015* số liệu điều tra và tổng hợp)

Đối tượng thủy sản đánh bắt của ngư dân là tôm, cua, ghe, cá, sò huyết, lịch huyết. Trong đó loài thủy sản đánh bắt gặp chủ yếu là tôm và cá. Hiện nay theo ngư dân sò huyết, lịch huyết được coi là đặc sản của đầm đã bị suy giảm về số lượng và rất hiếm gặp, nguyên nhân nguồn nước trong đầm đã xảy ra hiện tượng ngọt hóa do nước từ các sông đổ về đầm với lượng lớn, trong khi đó cửa đầm bị bồi lấp đã ngăn cản nước biển lưu thông với nước đầm; nguồn nước đầm bị ô nhiễm do hoạt động nuôi trồng

thủy sản như chai, lọ, bao đựng thức ăn, hoạt động hút bùn hồ tôm; ngoài ra ngư dân quanh đầm xả rác, chủ yếu là rác thải trong sinh hoạt của cộng đồng dân cư tại thôn Tân Hòa.

4.1.3. Mùa vụ và ngư trường khai thác

Hầu hết, các loại nghề chài, lưới, đăng, đáy, chấn là ngư cụ truyền thống khai thác ở vùng đầm Ô Loan. Khai thác thủy sản trong đầm diễn ra liên tục cả ngày và đêm, thời kỳ mùa mưa lũ và mùa khô. Tùy theo từng thời điểm mà ngư dân sử dụng các

ngư cụ khác nhau để đánh bắt (bảng 4.4).

Bảng 4.4. Ngư cụ, thời điểm, năng suất, sản lượng KTTS vùng đầm năm 2015

| T T | Các loại ngư cụ | | | Tần số hoạt động trong năm (lần/năm) | Thời điểm | | Thời vụ | | Năng suất (kg/ngư cụ/ngày) | Sản lượng (tấn) |
|--------|-----------------|-----------|-------------|---|-----------|-----|------------|------------|-------------------------------------|--------------------|
| | Tên gọi | Đơn vị | Số lượng | | Ngày | Đêm | Mùa mưa | Mùa khô | | |
| 1 | Chài | Chiếc | 470 | 200 | + | | + | + | 0,08 - 0,15 | 7,50 - 14,1 |
| 2 | Lưới | Tám | 1550 | 250 | + | + | + | + | 0,18 - 0,30 | 69,7 - 116,3 |
| 3 | Đăng | Vàng | 1032 | 100 | | + | | + | 0,05 - 0,15 | 5,16 - 15,48 |
| 4 | Đáy | Vàng | 80 | 150 | | + | + | + | 0,06 - 0,17 | 7,20 - 20,4 |
| 5 | Chấn | Vàng | 3561 | 200 | + | + | + | + | 0,10 - 0,25 | 89,0 - 178,1 |

(Nguồn: Số liệu điều tra, 2015)

Nghề chấn

Nghề chấn khá đặc trưng cho hệ thống đầm Ô Loan, hoạt động dựa vào con nước lên xuống của thủy triều, kết hợp với dòng chảy sông từ trong đầm ra biển.

Vì hoạt động phụ thuộc vào con nước, nên ngư dân sống về nghề này làm việc quanh năm và vào những thời điểm khác nhau trong ngày đêm. Thường vào ban đêm lúc con nước ròng chảy mạnh, sản lượng cá tôm mới nhiều. Những ngày trong tháng khai thác được nhiều tôm cá là ngày “chính nước”, thường từ mồng một đến mồng bảy và từ 15 đến 24 âm lịch hàng tháng có nước chảy mạnh. Các ngày khác dòng chảy chậm cá, tôm ít hơn.

Một vàng chấn có dạng hình chữ V, ở giữa là đường yếm có gắn chì. Cá, tôm sẽ đi chuyển theo hai cánh chấn để chui vào trong miệng túi, túi nằm ở phần cuối hình chữ V, trên miệng túi thường được gắn đèn vào ban đêm để thu hút cá. Miệng túi được viền xung quanh bằng chì. Chấn có chiều dài khoảng 10 - 15 m, mắt lưới khoảng 8 mm.

Trong đầm, chấn hoạt động khắp nơi, nhưng tập trung ở khu vực An Hải, An

Hoà, An Hiệp, An Cư. Mỗi gia đình trung bình có từ 2 - 4 vàng chấn. Họ thường đi làm từ 4 - 5 giờ chiều, cột chấn vào cọc, cắm sẵn giữa dòng nước. Sáng sớm hôm sau, họ mở túi đút để thu cá, tôm... hoặc thu cả lưới đem về. Năng suất trung bình mỗi một vàng chấn khoảng 0,10 - 0,25 kg tôm, cá mỗi ngày. Chấn khai thác chủ yếu là tôm, cá nhỏ. Hàng năm, trên đầm Ô Loan sản lượng nghề chấn đạt tới 178 tấn (bảng 4.4). Theo Phòng Nông nghiệp huyện Tuy An, nếu lấy số miệng chấn chia cho diện tích mặt đầm thì số lượng nghề trên một đơn vị diện tích khoảng 2,27 miệng/ha là quá lớn 3.561 vàng. Do vậy, nghề này cần phải được khống chế không nên phát triển thêm.

Nghề lưới

Lưới chủ yếu là lưới cước, với các loại lưới cá, lưới ghe, lưới 3 màn... Nghề này hoạt động khắp nơi trên toàn bộ đầm. Mùa vụ hoạt động chủ yếu thường từ tháng giêng đến tháng tám âm lịch.

Một tấm lưới trung bình gồm 10 tay, dài khoảng 700 - 800 m, chiều cao từ 40 - 50 cm, kích thước mắt lưới 7 - 10 mm.

Hiện nay trên đầm có khoảng 1.550 tấm.

Khi sử dụng, lưới được bủa bằng thuyền máy hoặc ghe chèo tay (thuyền thủ công), vòng theo hình cung hướng về dòng nước chảy. Đầu lưới có neo nhỏ, cuối lưới có phao lớn. Neo để làm cho lưới chìm nhanh và cố định lưới khỏi bị trôi, còn phao để đánh dấu và ước đoán tốc độ dòng nước. Nếu lưới được thả vào lúc nước đứng hoặc ít chảy thì thời gian thả dài hơn và ngư dân phải gia tăng độ trôi của lưới theo chiều dòng nước, bằng cách rút sợi dây ở phần cuối lưới.

Năng suất khai thác của nghề lưới dao động từ 0,18 - 0,30 kg tôm, cá/ngày. Nghề lưới chủ yếu bắt tôm, cá có kích thước vừa và lớn. Gần đây người ta kết loại lưới mắt nhỏ để bắt cá, tôm con. Lưới thường bắt cá Bống, cá Mòi, cá Dia, tôm,... Sản lượng khai thác hàng năm trên đầm Ô Loan ước tính khoảng 116 tấn (bảng 4.4).

Nghề chài

Chài là ngư cụ lọc nước bắt cá. Nghề chài hoạt động ở những nơi có dòng nước chảy yếu. Chài có dạng hình chóp phần cuối được viền những mảnh chì để đảm bảo miết giềng chì sát đáy khi thu chài. Một chiếc chài trung bình chiều cao khoảng 2,5 m, đường kính khoảng 5 - 6 m, kích thước mắt lưới 6 - 8 mm, thường làm đồng đều từ đỉnh đến dui nhưng số mắt lưới tăng dần. Dui chài là phần túi lắp theo vòng tròn đáy, nơi chứa cá, và được đan bằng sợi có độ thô chỉ lưới lớn hơn phần thân chài. Hiện nay trên đầm Ô Loan có khoảng 470 chiếc chài.

Khi sử dụng chài, ngư dân đứng trên bờ hoặc thuyền nắm đỉnh chóp vải mạnh để chài xòe rộng và chụp xuống nước vây cá ở phía trong. Lúc này cá hoảng sợ chúi xuống đáy, ngậm chài một lát chờ cá ngoi lên, dùng dây dong kéo chài từ từ để dui chài chụp lại, cá dồn về dui chài và tiến hành

thu cá. Chài chủ yếu bắt cá có kích thước vừa, lớn. Ngư dân khai thác đi theo nhóm từ 3 đến 5 xõng, dàn hàng ngang để đi tới. Sản lượng khai thác hàng năm trên đầm Ô Loan khoảng 14 tấn cá, tôm, các loại (bảng 4.4).

Nghề dăng

Dăng là ngư cụ cố định, cũng rất phổ biến ở đầm Ô Loan. Dăng được làm bằng lưới hoặc tre tùy theo khả năng nguyên liệu của từng xã và thường hoạt động ở ngư trường có dòng chảy, mật độ cá qua lại nhiều.

Dăng đánh bắt tôm, cá nhỏ ở vùng nước ven bờ.

Cấu tạo của dăng gồm 4 bộ phận chính: lưới dẫn, lưới cánh, cửa hom và lưới chuồng.

- Lưới dẫn: là một dải lưới hình chữ nhật, được thả thành bức tường để chặn đường cá di chuyển, cá sẽ lần theo lưới dẫn và di chuyển về phía dăng.

- Lưới cánh: lắp ở hai bên cửa dăng, góc xiên của lưới cánh phải thích hợp để hướng cá đi vào cửa dăng.

- Cửa hom có tác dụng dẫn cá vào trong dăng đồng thời hạn chế cá quay trở ra.

- Lưới chuồng là nơi nhốt cá sau khi đã vào dăng.

Năng suất trung bình mỗi một vàng dăng khoảng 0,05 - 0,15 kg tôm, cá mỗi ngày. Hàng năm, trên đầm Ô Loan sản lượng nghề dăng đạt tới 16 tấn (bảng 4.4).

Nghề đáy

Đáy là ngư cụ dùng để khai thác các loài thủy sản theo nguyên lý lọc nước lấy thủy sản, nghề này dựa vào con nước dòng của thủy triều, kết hợp với dòng chảy sông từ trong đầm ra biển hoặc sự dâng lên của thủy triều.

Vì nghề đáy hoạt động tùy con nước, nên ngư dân sống về nghề này làm việc quanh năm, hoạt động chủ yếu vào ban

đêm, lúc con nước ròng chảy mạnh, cá mới “đóng” nhiều. Mùa Xuân Hè con nước ròng mạnh nhất vào lúc 2 - 4 giờ sáng. Mùa Thu Đông con nước sớm hơn thường vào lúc 10 - 12 giờ khuya. Những ngày đêm trong tháng khai thác được nhiều tôm, cá là ngày “chính nước”, thường từ ngày mồng một đến ngày mồng sáu và từ mười lăm đến hai mươi âm lịch hàng tháng có nước chảy mạnh. Các ngày khác trong tháng dòng chảy chậm nên ít cá đóng hơn.

Một vàng đáy có dạng như cái vọt phóng đại gồm hai miệng. Miệng dưới là nơi chứa tôm cá, miệng trên là nơi tôm cá bị dòng nước cuốn vào. Phần miệng dưới thường là một giỏ mây bịt đáy. Chu vi của miệng trên mỗi vàng đáy đo được 32 sải (mỗi sải trung bình đạt 1,5 m); còn miệng dưới có đường kính trung bình 16 cm. Khoảng cách thân của hai miệng sải dài 18 sải, có cấu trúc lưới khác nhau. Một phần ba thân trên có mắt lưới 9 mm, một phần ba thân giữa 7 mm và một phần ba thân cuối 6 mm. Riêng phần miệng dưới có mắt lưới

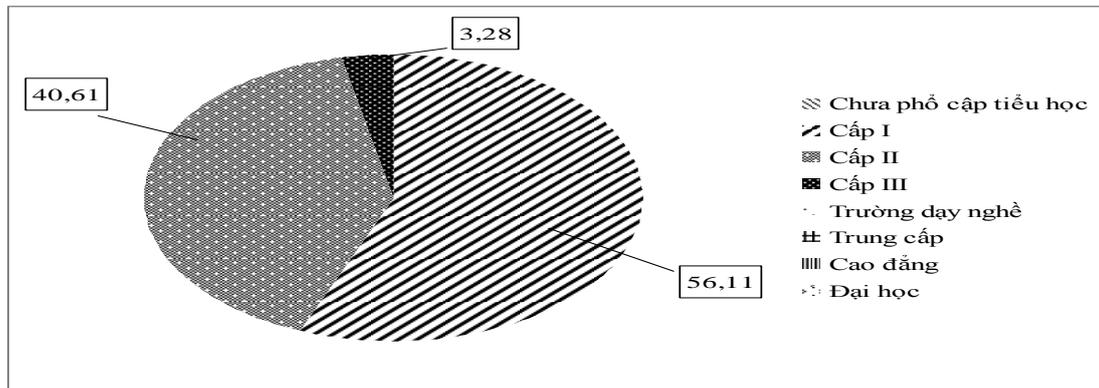
nhỏ nhất khoảng 1 mm. Như vậy nghề đáy cũng đánh bắt luôn cả cá và tôm nhỏ.

Đáy thường đón tôm, cá khi thủy triều lên, xuống, lúc triều đứng thu miệng dưới đáy lấy tôm cá lên thuyền hoặc thu cả đáy nếu không muốn hoạt động tiếp.

Năng suất trung bình mỗi một vàng đáy khoảng 0,06 - 0,17 kg tôm, cá mỗi ngày. Hàng năm, trên đầm Ô Loan sản lượng nghề đáy đạt tới 21 tấn (bảng 4.4).

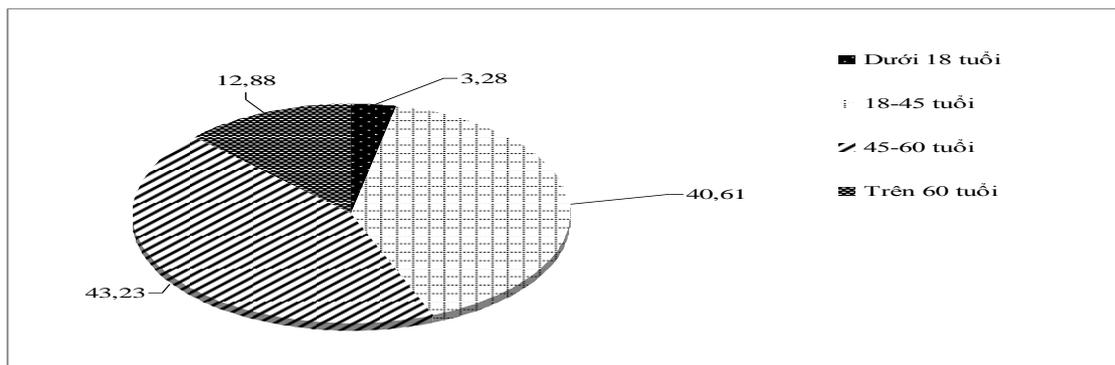
4.1.4. Thành phần lao động tham gia khai thác tại đầm

Thành phần lao động tham gia khai thác tại đầm có trình độ học vấn khá thấp 56,11% trình độ cấp I, trình độ cao nhất là cấp III chỉ chiếm 3,28% (hình 4.1). Phần lớn lao động khai thác tại đầm không được đào tạo về nghề. Ngư dân chỉ khai thác theo bản năng, kinh nghiệm, sự học hỏi từ thế hệ đi trước. Chính điều này đã dẫn tới những hạn chế, khó khăn trong kỹ thuật, thời gian, ngư cụ đánh bắt; và những hướng dẫn, tập huấn của ủy ban nhân dân xã, ủy ban nhân dân huyện đến với ngư dân.



Hình 4.1. Tỷ lệ trình độ học vấn thành phần lao động KT tại đầm năm 2015

Lao động tham gia khai thác tại đầm chủ yếu có độ tuổi 45 - 60 tuổi 43,23% và 18 - 45 tuổi 40,61%; độ tuổi dưới 18 khai thác tại đầm rất ít 3,28% (hình 4.2). Số lao động được phỏng vấn là những người có kinh nghiệm đi đánh bắt từ 10 - 15 năm.



Hình 4.2. Tỷ lệ % độ tuổi của thành phần lao động KT tại đầm năm 2015

4.1.5. Năng suất, sản lượng khai thác

Giai đoạn 2010 - 2015, sản lượng khai thác trên đầm ngày một gia tăng năm 2010 là 250 tấn/năm, và 2015 đạt 340 tấn/năm. Số lượng nghề tăng lên 263 ngư cụ, cụ thể năm 2010 là 6.430 ngư cụ đến 2015 là

6.693 ngư cụ; cường độ khai thác cao 2010: 700 lần/năm; 2015: 900 lần/năm nhưng năng suất lại giảm 2010 năng suất tối đa 2,5 kg/ngư cụ/ngày; 2015: 1,5 kg/ngư cụ/ngày (bảng 4.5).

Bảng 4.5. Năng suất, sản lượng KT ở đầm Ô Loan từ năm 2010 - 2015

| STT | Năm | Ngư cụ | Tần số hoạt động (lần/năm) | Năng suất (kg/ngư cụ/ngày) | Sản lượng (tấn) |
|-----|-------|--------|----------------------------|----------------------------|-----------------|
| 1 | 2010 | 6.430 | 750 | 0,5 - 2,5 | 250 |
| 2 | 2011 | 6.420 | 750 | 0,5 - 2,5 | 260 |
| 3 | 2012 | 6.740 | 800 | 0,5 - 1,5 | 300 |
| 4 | 2013 | 6.682 | 950 | 0,5 - 1,5 | 350 |
| 5 | 2014 | 6.673 | 950 | 0,5 - 2,0 | 370 |
| 6 | 2015* | 6.693 | 900 | 0,5 - 1,5 | 340 |

(Nguồn: Điều tra 2015* và báo cáo KT-XH các xã quanh đầm Ô Loan)

Sản lượng năm 2015 suy giảm so với năm 2014 là 30 tấn/năm, từ 370 tấn/năm còn 340 tấn/năm. Theo ngư dân đến năm 2015, hiện tượng cát từ biển đưa vào đã tích tụ lại phía cửa đầm rất lớn, chính vì vậy đã xảy ra hiện tượng bồi lấp cửa đầm (nơi lưu thông giữa đầm và biển). Hơn nữa, theo ngư dân “nếu như năm nào xảy ra mưa, lũ thì năng suất, sản lượng khai thác sẽ gia tăng do mưa, lũ làm gia tăng lượng nước trong đầm, khai thông cửa, xảy ra sự trao đổi, sự di chuyển của một số loài hải sản, sẽ làm tăng năng suất và sản lượng”.

Vào mùa khô, mực nước trong đầm giảm thấp, cửa bị bồi lấp, mức độ ô nhiễm nguồn nước đầm do nước thải của nuôi trồng thủy sản (33,19% số phiếu trả lời), đưa đến sự suy giảm nguồn lợi trong đầm. Khi nghề nuôi tôm phát triển ở đầm, việc sử dụng các loại thuốc, hóa chất xử lý ao nuôi đã ảnh hưởng đến cân bằng sinh thái và sự phát triển tự nhiên của nguồn lợi. Trong khi đó, một thời gian dài cửa Tân Quy bị bồi lấp, làm hạn chế việc trao đổi nước giữa đầm với biển nên môi trường nước không ổn định. Đây là điều báo động

cho các nhà quản lý nghề cá phải sớm có những giải pháp hữu hiệu nhằm bảo tồn và phát triển nguồn lợi cũng như duy trì sự phát triển ổn định của hệ sinh thái đầm.

Trong giai đoạn 2010 – 2015, theo nhận định của ngư dân nguồn lợi đánh bắt ở trong đầm không còn phong phú như trước, một số loài có giá trị kinh tế như sò huyết,

Bảng 4.6. Thống kê năng suất, sản lượng khai thác thủy sản tại đầm so với 5 năm trước

| Ý kiến trả lời | Năng suất | | Sản lượng | |
|----------------|-----------|---------|-----------|---------|
| | Số phiếu | Tỉ lệ % | Số phiếu | Tỉ lệ % |
| Cao hơn | 31 | 6,77 | 50 | 10,9 |
| Không đổi | 57 | 12,45 | 67 | 14,6 |
| Thấp hơn | 352 | 76,86 | 306 | 66,9 |
| Không biết | 18 | 3,92 | 35 | 7,6 |

(Nguồn: Từ phiếu điều tra, 2015)

Theo ngư dân năng suất và sản lượng khai thác hiện nay so với 5 năm trước là thấp hơn. Có 76,86% ý kiến ngư dân đồng ý năng suất giảm, và 66,09% hộ đồng ý sản lượng thấp hơn. Nguyên nhân chủ yếu là cửa đầm bị bồi lấp; môi trường đáy đầm ô nhiễm; khai thác bằng các ngư cụ hủy diệt. Tuy nhiên, có 6,77% số phiếu trả lời năng suất cao; và 10,9% lựa chọn sản lượng cao tại các Xã An Hòa, An Hiệp do vùng đầm thuộc các xã năm nay có xuất hiện tôm đất, cá rô phi (bảng 4.6).

4.2. Giải pháp phát triển bền vững khai thác thủy sản tại đầm

4.2.1. Khai thác hợp lý

Khai thác hợp lý nguồn lợi thủy sản là lấy đi một phần nguồn lợi, tương đương với sự gia tăng hàng năm của chúng, không gây tình trạng sinh vật mất khả năng khôi phục lại số lượng trong quần thể, đồng thời

lịch huyết, cá chêm, cá mòi,... ngày càng hiếm gặp, kích thước các loài đánh bắt ngày càng có xu hướng nhỏ hơn. Sự biến mất hoặc hiếm gặp của sò huyết, lịch huyết có 79,04% ngư dân nhận định, sản lượng đánh bắt cá đục, cá chêm, cá lý, cá mòi, cá hồng, sò, điệp cũng giảm đi rất nhiều so với trước đây.

phải đảm bảo hiệu quả kinh tế cao cho sản xuất. Ngoài ra, trong ngư dân cần phải tuân thủ nghiêm ngặt Thông tư số 01/2000/TT-BTS ngày 28/4/2000 của Bộ Thủy Sản về kích thước tối thiểu, mắt lưới cho phép khai thác và Quyết định 1210/QĐ-UBND ngày 15/07/2013, vùng, ngư cụ, thời gian khai thác.

Về lao động: Hiện nay có 877 hộ dân tham gia khai thác tại đầm, bình quân 01 hộ có từ 3 - 4 lao động hoạt động cố định trong 1,3 ha là quá nhỏ. Do vậy, cần giảm số hộ tham gia hoạt động khai thác và phân bổ lại lực lượng này phù hợp với tiềm năng khai thác của đầm. Có thể chuyển đổi lao động khai thác thủy sản dư thừa sang nghề khai thác xa bờ đối với các hộ thuộc 02 xã An Hòa, An Hải, hỗ trợ kinh phí theo Quyết định 289/QĐ-TTg ngày 18/03/2008; Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010; Quyết định số 39/2011/QĐ-TTg ngày 11/7/2011 và Quyết định số 38/2013/QĐ-TTg ngày 26/6/2013 về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010. Hoặc chuyển đổi sang các nghề khác như nuôi trồng thủy sản biển, dịch vụ, phát triển nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, đảm bảo sinh kế cho họ.

Về ngư cụ: Năm 2015 toàn đầm có tổng 6.693 ngư cụ với chài 470 chiếc, lưới 1.550 tấm, đăng 1032 vàng, đáy 80 vàng và chần 3.561 vàng. Tuy nhiên, diện tích mặt nước khai thác tự nhiên còn khoảng 1.000 ha, trong đó nghề cố định đáy chiếm 0,8 ha, chần 300 ha, đăng 361 ha. Còn lại khoảng

338 ha là ngư trường hoạt động của 470 chiếc chài, 1.550 tấm lưới và diện tích đường đò với chiều rộng 30 m. Chính vì vậy, áp lực khai thác ngư cụ lên diện tích mặt nước đầm là rất lớn, cần phải quản lý chặt chẽ không phát triển thêm các nghề.

Về thuyền bè: Số lượng thuyền thủ công 962 chiếc, thuyền máy 38 chiếc; mật độ hoạt động trên đầm khá cao, nhất là vào thời kỳ mùa khô, lượng nước trong đầm thấp nên phải chuyển số lượng thuyền máy đang hoạt động trên đầm và hỗ trợ kinh phí để họ tham gia khai thác vùng khơi. Như vậy giảm được tiếng ồn, ô nhiễm dầu do sự rò rỉ xăng nhớt, thau rửa của thuyền máy, đồng thời số hộ khai thác tại đầm cũng từ đó giảm theo.

Về thời vụ: Khai thác trong đầm diễn ra quanh năm với 3.561 vàng chần, 80 vàng đáy, 1.550 tấm lưới, 1.032 vàng đăng, 470 chiếc chài, hoạt động ngày, đêm cả trong mùa mưa và mùa khô. Tuy nhiên thời kỳ mùa khô trùng với thời gian sinh sản của các loài thủy sản. Do vậy, địa phương cần quy định mùa vụ khai thác cụ thể với một số loài thủy sản. Đồng thời, khoanh vùng khu vực được xem là nơi sinh sản, nuôi dưỡng con non như các bãi cỏ nước, cửa các sông đổ vào đầm, cửa đầm... Tạm ngừng khai thác đối với nghề đăng, chần đầm bảo cho sự tái sản xuất của các đàn cá, động vật thủy sinh, bảo vệ các loài quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng xử lý nghiêm khắc hộ ngư dân khai thác vi phạm Thông tư số 01/2000/TT- BTS ngày 28/4/2000 của Bộ Thủy Sản và Nghị định số 103/2013/NĐ-CP ngày 12/09/2013 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản.

4.2.2. Nâng cao nhận thức cộng đồng

Việc tuyên truyền nâng cao nhận thức cho ngư dân về tầm quan trọng của nguồn lợi đã và đang tiến hành khá thường

xuyên. Nhưng hình thức tuyên truyền chưa được phong phú, đa dạng, sự phối kết hợp giữa các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, các cơ quan thông tin tuyên truyền ở địa phương chưa chặt chẽ đồng bộ, thiếu sự chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền các cấp. Vì vậy, hiệu quả của công tác tuyên truyền mang lại chưa cao.

Để gia tăng hiệu quả công tác tuyên truyền đến với ngư dân, cần thực hiện một số vấn đề sau:

- Phòng Nông nghiệp, Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư, Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi Thủy sản tổ chức tập huấn nâng cao nhận thức cho ngư dân về lợi ích của việc bảo vệ nguồn lợi, môi trường sống các loài thủy sản tại đầm.

- Giáo dục trực tuyến: Xây dựng các chương trình truyền thông về công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại đầm trên các phương tiện thông tin đại chúng như: Báo, đài Phát thanh, đài truyền hình, đài truyền thanh ở địa phương, cần đưa nội dung giáo dục về tầm quan trọng công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản và môi trường sống. In ấn, phát hành các tranh, ảnh, áp phích, tài liệu để cổ động tuyên truyền về bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Đưa công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của các loài thủy sản vào chương trình giáo dục phổ thông của các trường.

- Nhân rộng mô hình: Địa phương cần phối hợp với các trường, viện, cơ quan nghiên cứu, đào tạo chuyên ngành thủy sản, thực hiện các đề tài liên quan đến điều tra nguồn lợi, dự báo ngư trường, chuyển giao các kết quả nghiên cứu áp dụng vào thực tiễn. Nhân rộng kết quả nghiên cứu sản lượng khai thác chính, nhân rộng các mô hình khai thác gắn với quản lý dựa vào cộng đồng để bảo vệ nguồn lợi, tạo sinh kế bền vững. Phối hợp với Sở Khoa học Công nghệ và chủ nhiệm các đề tài nghiên cứu

khoa học ở đầm Ô Loan (đã được thực hiện trong những năm gần đây) để tổ chức triển khai các nội dung vào thực tế.

5. Kết luận và đề nghị

Hiện nay, trên đầm có 5 loại nghề đang hoạt động khai thác tự nhiên là: chài, lưới, dăng, đáy và chần. Trong đó, nghề chần có số lượng lớn nhất 3561 vàng; nghề chài 470 chiếc, lưới 1.550 tấm, dăng 1.032 vàng và nghề đáy có số lượng ít nhất 80 vàng.

Trong giai đoạn 2010 - 2015, sản lượng khai thác tăng cụ thể: năm 2010 đạt

250 tấn đến năm 2015 tăng lên 340 tấn, nhưng năng suất khai thác có chiều hướng suy giảm 2010: 2,5 kg/ngư cụ/ngày; đến năm 2015 còn 1,5 kg/ngư cụ/ngày. Điều đó chứng tỏ nguồn lợi thủy sản đang suy giảm.

Nguồn lợi thủy sản ở đầm bị suy giảm một phần cũng do sự lưu thông giữa đầm và biển bị hạn chế. Do vậy, cần khơi thông cửa đầm để tăng cường sự trao đổi nước giữa đầm và biển, tạo môi trường sống tốt nhất cho các loài hải sản □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Dự thảo báo cáo (2015), *Quy hoạch khai thác thủy sản và dịch vụ hậu cần nghề cá vùng ven biển tỉnh Phú Yên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030*, Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn, Phú Yên.
- [2] Nguyễn Thị Phi Loan, Dương Thị Oanh (2014), “Tình hình khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản đầm Ô Loan, tỉnh Phú Yên”, *Tạp chí Khoa học – Đại học Phú Yên*, (số 5), tr 70-81.
- [3] Lê Thị Nguyễn, Nguyễn Bắc Giang (2005), *Tình hình khai thác nguồn lợi thủy sản vùng ven biển bắc Hải Vân và những hệ quả khi xây dựng khu bảo tồn biển Sơn Chà*, Kỷ yếu Hội thảo quốc gia về đầm phá Thừa Thiên Huế, tr:406-414, Huế.
- [4] Ủy ban nhân dân xã An Ninh Đông (2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015), *Báo cáo kinh tế - xã hội*, UBND xã An Ninh Đông.
- [5] Ủy ban nhân dân xã An Hải (2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015), *Báo cáo kinh tế - xã hội*, UBND xã An Hải.
- [6] Ủy ban nhân dân xã An Hòa (2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015), *Báo cáo kinh tế - xã hội*, UBND xã An Hòa.
- [7] Ủy ban nhân dân xã An Hiệp (2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015), *Báo cáo kinh tế - xã hội*, UBND xã An Hiệp.
- [8] Ủy ban nhân dân xã An Cư (2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015), *Báo cáo kinh tế - xã hội*, UBND xã An Cư.

Abstract

The current realities of fisheries in O Loan lagoon, Phu Yen province

The fishery resources in O Loan lagoon, Phu Yen province is quite diverse and abundant. But they have been currently overexploited by a large number of local residents; Due to this problem, the biological resources and habitats of the aqua species in the lagoon have been severely reduced. Therefore, the exploitation pressure on the water surface area is now on an alarming rate, which requires urgent measures to be taken for effective management on maintaining the resources and environmental protection for sustainable development of the lagoon.

Key words: Fisheries resources, aqua exploitation, O Loan lagoon